

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/DS-PT

Ngày 26-4-2023

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 12/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2023/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn Tr (Trần Văn Chinh), sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1949; địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. (có mặt)

3. Bà Đỗ Thị Ng, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. (có mặt)

4. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ: Khu 3, phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

5. Vợ chồng ông Trần Văn Tr1, sinh năm 1970 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. (có mặt bà Hồng; Vắng mặt ông Trình có lý do).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M, bà Nguyễn Thị Nh, bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị H, ông Trần Văn Tr1: là ông Trần Văn V (văn bản ủy quyền ngày 18/10/2022) .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Văn V trình bày:

Bố ông là Đỗ Văn Quang (sinh năm 1920, mất năm 2007) và mẹ ông là Trần Thị Chè (sinh năm 1926, mất năm 2017), hai cụ kết hôn sinh được 07 anh chị em gồm: bà Trần Thị M, bà Nguyễn Thị Nh, bà Đỗ Thị Ng, bà Đỗ Thị T, ông Trần Văn V, ông Trần Văn Tr (tức Chinh) và ông Trần Văn Tr1. Cụ Quang có bố mẹ đẻ mang họ Trần, nhưng lại làm con nuôi gia đình họ Đỗ nên lấy họ Đỗ. Do đó các con của cụ Quang, cụ Chè khi sinh ra làm giấy tờ người thì mang họ Đỗ, người mang họ Trần. Riêng bà Nhuần sau này có khai họ lấy theo họ nhà chồng là họ Nguyễn.

Di sản thừa kế cụ Quang và cụ Chè còn để lại là hai thửa đất gồm: thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, diện tích 558m² và thửa đất số 286, tờ bản đồ số 20, diện tích 202m², đều thuộc xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp GCNQSD đất ngày 20/5/1997, đứng tên hộ cụ Đỗ Văn Quang. Ngoài ra, hai cụ còn được Nhà nước giao sử dụng đất nông nghiệp diện tích 558m² đất hai lúa tại thửa 33/4 tờ số 25 và 59m² đất chuyên mạ tại thửa 280/2 tờ số 20, xã Hải Anh. Đến năm 2011, thực hiện phương án dồn điền đổi thửa của UBND huyện Hải Hậu, đất nông nghiệp còn 591m² tại thửa 40/4, tờ số 25 xã Hải Anh. Trước khi chết, cụ Quang, cụ Chè không để lại di chúc. Thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, diện tích 558m² và đất ruộng nông nghiệp chủ yếu do ông và ông Trần Văn Tr1 quản lý trông coi và đang sử dụng; thửa đất số 286, tờ bản đồ số 20, diện tích 202 m² đang do ông Vinh tôn tạo trồng cây. Năm 2021, sau khi bố mẹ chết các anh em trong gia đình đã tổ chức họp thống nhất để phân chia di sản của bố mẹ để lại nhưng ông Trần Văn Tr (Chinh) không đồng ý nên không thống nhất được với nhau.

Về các công trình xây dựng trên đất có một số công trình do cụ Quang cụ Chè xây dựng không còn giá trị khấu hao nên ông Vinh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông Vinh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu chia thừa kế tài sản của cụ Quang, cụ Chè là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 279, tờ bản đồ số 20 có diện tích 558 m² và thửa số 286, tờ bản đồ số 20 có diện tích 202m², đều thuộc xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định và Quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 591m² đất lúa tại thửa 40/4, tờ số 25 xã Hải Anh theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn V xin nhận kỷ phần mình được hưởng theo quy định pháp luật bằng hiện vật là đất và tặng cho lại vợ chồng ông Trần Văn Tr1, bà Đỗ Thị H.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn là ông Trần Văn Tr (Chinh) trình bày:

Ông Trinh công nhận lời khai của ông Vinh trình bày về mối quan hệ huyết thống gia đình và di sản thừa kế mà bố mẹ để lại như ông Vinh trình bày là đúng, quan điểm của ông Trinh đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vinh như sau:

Vào năm 2010, khi cụ Quang đã chết, cụ Chè có gọi 04 con là ông Vinh, ông Trinh, bà Mậu, ông Trinh đến và nói miệng để toàn bộ tài sản chung của bố mẹ nêu trên cho ông Trinh nhưng không lập biên bản gì. Đồng thời cũng do anh em tin tưởng nhau nên từ đó đến nay, ông Trinh không làm thủ tục sang tên cho mình. Nhà cửa hai cụ để lại thì do ông Vinh và vợ chồng ông Trinh hương khói, trông coi, còn đất nông nghiệp thì do vợ chồng ông Trinh quản lý sử dụng.

Nay quan điểm của ông Trinh là không chia phần đất này mà để làm tài sản chung cho anh em gia đình làm nơi thờ cúng, hương hỏa bố mẹ vì hai cụ không để lại di chúc chia đều cho 07 người con. Nếu đề nghị của ông không được chấp nhận thì ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị M tại bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án trình bày:

Bà Mậu đồng ý với phần trình bày của ông Vinh về quan hệ huyết thống gia đình và di sản thừa kế cụ Quang, cụ Chè để lại. Bà Mậu đề nghị Tòa án phân chia di sản của bố mẹ để lại theo quy định pháp luật. Về kỷ phần được hưởng thừa kế bà Mậu đề nghị Tòa án xem xét cho bà được hưởng phần đất tại vị trí phía Nam của thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20 có chiều rộng Bắc Nam 1,5m, chiều dài Đông Tây từ đường bê tông xóm vào sát phần đất nhà bà đang sử dụng để bà làm ngõ đi vào phần đất bố mẹ cho bà. Nếu phần được chia cho bà còn thừa thì bà cho vợ chồng ông Trinh Hồng phần còn lại, nếu thiếu thì bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Ng tại bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng trình bày:

Bà Ngát đồng ý với phần trình bày trên của ông Trần Văn V về quan hệ huyết thống gia đình và di sản thừa kế cụ Quang, cụ Chè để lại; bà Ngát trình bày bố mẹ bà khi chết không để lại di chúc. Nay quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết đối với phần đất nông nghiệp của bố mẹ để lại bà đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật và phần mình được hưởng bà để lại cho vợ chồng ông Trình, bà Hồng. Còn về phần đất trong thổ tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, diện tích 558 m² và thửa số 286, tờ bản đồ số 20, diện tích 202 m², đều thuộc xóm 14, xã Hải Anh, đứng tên hộ ông Đỗ Văn Quang đề nghị không chia mà để làm tài sản chung cho anh em gia đình làm nơi thờ cúng, hương hỏa bố mẹ. Nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Nh, bà Đỗ Thị T cùng quan điểm: Bà đồng ý với phần trình bày trên của ông Vinh về quan hệ huyết thống gia đình và di sản thừa kế của cụ Quang, cụ Chè để lại. Bà Nhuận, bà Tâm đề nghị Tòa án phân chia di sản của hai cụ để lại theo quy định pháp luật, tặng cho phần mình được hưởng cho vợ chồng ông Trình, bà Hồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Tr1 tại bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng trình bày:

Cùng đồng ý với phần trình bày trên của nguyên đơn là ông Vinh. Nay quan điểm của ông Trình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, kỷ phần thừa kế ông được hưởng và kỷ phần thừa kế tài sản các đồng thừa kế khác có ý kiến tặng cho vợ chồng ông, ông Trình xin nhận và ông đề nghị Tòa án chia cho vợ chồng ông bằng hiện vật là thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, vì vị trí đất này hiện nay cạnh phần đất bố mẹ cho vợ chồng ông và quá trình trông coi sử dụng thì ông và ông Vinh đã xây dựng một ngôi nhà hai gian hiện nay đang làm nơi thờ cúng bố mẹ để ông quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị H có bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng trình bày: có quan điểm như ông Trần Văn Tr1 và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà và những người có liên quan khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 611, 612, 613, 650, 651, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 227, 228, 229, 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V về việc chia thừa kế tài sản của cụ Đỗ Văn Quang, cụ Trần Thị Chè.

2. Chia thừa kế tài sản:

- Chia bà Trần Thị M được quyền sử dụng phần đất (S1') có diện tích 37m² (đất CLN), tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (2', 3, 4', 3', 2').

- Chia cho vợ chồng ông Trần Văn Tr1 và bà Đỗ Thị H được quyền sử dụng phần đất (S2') có diện tích 521m² (110m² ONT; 336m² ao nuôi cá; 75m² CLN) tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20 được giới hạn bởi các điểm (1', 2'', 3'', 3', 1') có trị giá 1.302.500.000đ và Được sử dụng phần đất nông nghiệp diện tích 591m² đất lúa tại thửa 40/4, tờ số 25 xã Hải Anh trị giá 29.550.000đ . Tổng giá trị tài sản ông Trình, bà Hùng được quyền sử dụng là 1.332.050.000đ. Nhưng ông Trình, bà Hồng phải có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch tài sản là 42.078.000đ (trong đó thanh toán cho ông Trần Văn Tr số tiền là 23.150.000đồng, thanh toán cho bà Đỗ Thị Ng số tiền là 18.928.000 đồng).

- Chia cho ông Trần Văn Tr (Chính) được hưởng phần đất có diện tích S3 = 101m² (CLN) tại thửa 286, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (7', 8', 9, 10, 7') trị giá 252.500.000đ và nhận tiền chênh lệch chia di sản từ vợ chồng ông Trình, bà Hồng số tiền là 23.150.000đồng. Tổng tài sản ông Trình được thừa kế là 275.650.000đ.

- Chia cho bà Đỗ Thị Ng được hưởng phần đất có diện tích S4 = 101m² (CLN) tại thửa 286, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (7, 7', 8', 8, 7) và nhận tiền chênh lệch chia di sản từ vợ chồng ông Trình, bà Hồng số tiền là 18.928.000 đồng. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án của Tòa án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/02/2023 ông Trần Văn Tr làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Trần Văn Tr giữ nguyên đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử,

căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; bác đơn kháng cáo của ông Trần Văn Tr và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét kháng cáo của ông Trần Văn Tr:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 10/01/2023, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu tiến hành phiên tòa để xét xử và tuyên án về việc tranh chấp di sản thừa kế giữa nguyên đơn là ông Trần Văn V và bị đơn là ông Trần Văn Tr. Do ông Trinh vắng mặt tại phiên tòa cho nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã gửi bản án sơ thẩm cho ông Trinh thông qua dịch vụ bưu chính, đến ngày 02/02/2023 ông Trinh mới nhận được bản án sơ thẩm, do không nhất trí với bản án sơ thẩm cho nên ông Trinh đã làm đơn kháng cáo nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu vào ngày 06/02/2023. Như vậy đơn kháng cáo của ông Trinh được làm trong thời hạn luật định, do vậy được HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Trần Văn Tr cho rằng, việc phân chia di sản thừa kế như quyết định của bản án sơ thẩm sẽ gây khó khăn cho ông trong việc thực hiện nghĩa vụ thờ cúng đối với bố mẹ. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX xét thấy. Về khối di sản thừa kế của cụ Quang, cụ Chè để lại gồm có 558 m² đất tại thửa số 279, tờ bản đồ số 20 và 202m² đất tại thửa số 286, tờ bản đồ số 20, đều thuộc xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định và Quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 591m² đất lúa tại thửa 40/4, tờ số 25 xã Hải Anh. Về tài sản gắn liền với đất; khi còn sống vợ chồng cụ Quang có tạo lập được ngôi nhà cấp bốn 3 gian lợp ngói dùng để sinh sống và 02 gian nhà cấp 4 lợp ngói dùng để thờ cúng gia tiên trên thửa đất số 279. Sau khi hai cụ mất đi do việc ngôi nhà dột nát, xuống cấp thì ông Vinh và ông Trinh cùng với một số đồng thừa kế góp tiền sử sang, tôn tạo lại để duy trì việc thờ cúng bố, mẹ gia tiên. Như vậy lúc sinh thời vợ chồng cụ Quang không xây dựng nhà thờ thành một khuôn viên riêng biệt trên thửa đất số 279 để thực hiện việc thờ cúng gia tiên. Trước khi mất đi vợ chồng cụ Quang không lập di chúc để phân chia di sản thừa kế cho các con, cũng như giành một phần di sản vào việc thờ cúng. Xét nguyện vọng của phần lớn các đồng thừa kế trong quá trình giải quyết vụ án là đề nghị Tòa án phân chia khối di sản theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế, mà không để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng. HĐXX xét thấy việc xác định khối di sản thừa kế, hàng thừa kế và phân chia di sản thừa kế

cho các đồng thừa kế theo quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án, Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn Tr.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn Tr, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, cho nên ông Trần Văn Tr phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 611, 612, 613, 650, 651, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 227, 228, 229, 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V về việc chia thừa kế tài sản của cụ Đỗ Văn Quang, cụ Trần Thị Chè.

2. Chia thừa kế tài sản:

2.1. Chia bà Trần Thị M được quyền sử dụng phần đất (S1') có diện tích 37m² (đất CLN), tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (2', 3, 4', 3', 2').

2.2. Chia cho vợ chồng ông Trần Văn Tr1 và bà Đỗ Thị H được quyền sử dụng phần đất (S2') có diện tích 521m² (110m² ONT; 336m² ao nuôi cá; 75m² CLN) tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20 được giới hạn bởi các điểm (1', 2'', 3'', 3', 1') có trị giá 1.302.500.000đ và Được sử dụng phần đất nông nghiệp diện tích 591m² đất lúa tại thửa 40/4, tờ số 25 xã Hải Anh trị giá 29.550.000đ . Tổng giá trị tài sản ông Trình, bà Hường được quyền sử dụng là 1.332.050.000đ. Nhưng ông Trình, bà Hồng phải có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch tài sản là 42.078.000đ (trong đó thanh toán cho ông Trần Văn Tr số tiền là 23.150.000đồng, thanh toán cho bà Đỗ Thị Ng số tiền là 18.928.000 đồng).

2.3. Chia cho ông Trần Văn Tr (Chinh) được hưởng phần đất có diện tích S3 = 101m² (CLN) tại thửa 286, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (7', 8', 9, 10, 7') trị giá 252.500.000đ và nhận tiền chênh lệch chia di sản từ vợ chồng ông Trình, bà Hồng số tiền là 23.150.000đồng. Tổng tài sản ông Trình được thừa kế là 275.650.000đ.

2.4. Chia cho bà Đỗ Thị Ng được hưởng phần đất có diện tích $S_4 = 101m^2$ (CLN) tại thửa 286, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (7,7',8',8,7) và nhận tiền chênh lệch chia di sản từ vợ chồng ông Trình, bà Hồng số tiền là 18.928.000 đồng. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án của Tòa án.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật khi đương sự có yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Văn Tr phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Trình đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0006470 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu. Ông Trình đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hà Nam

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:06/2022/DS-ST

Ngày: 10-01-2023

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 92/QĐST-TCDS ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn Tr (Trần Văn Chinh), sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1949; địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. (có mặt)

3. Bà Đỗ Thị Ng, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

4. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ: Khu 3, phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

5. Vợ chồng ông Trần Văn Tr1, sinh năm 1970 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. (có mặt bà Hồng; Vắng mặt ông Trình có lý do)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M, bà Nguyễn Thị Nh, bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị H, ông Trần Văn Tr1: là ông Trần Văn V (văn bản ủy quyền ngày 18/10/2022) .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Văn V trình bày:

Bố ông là Đỗ Văn Quang (sinh năm 1920, mất năm 2007) và mẹ ông là Trần Thị Chè (sinh năm 1926, mất năm 2017), hai cụ kết hôn sinh được 07 anh chị em gồm: bà Trần Thị M, bà Nguyễn Thị Nh, bà Đỗ Thị Ng, bà Đỗ Thị T, ông Trần Văn V, ông Trần Văn Tr (tức Chinh) và ông Trần Văn Tr1. Cụ Quang có bố mẹ đẻ mang họ Trần, nhưng lại làm con nuôi gia đình họ Đỗ nên lấy họ Đỗ. Do đó các con của cụ Quang, cụ Chè khi sinh ra làm giấy tờ người thì mang họ Đỗ, người mang họ Trần. Riêng bà Nhuần sau này có khai họ lấy theo họ nhà chồng là họ Nguyễn.

Di sản thừa kế cụ Quang và cụ Chè còn để lại là hai thửa đất gồm: thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, diện tích 558m² và thửa đất số 286, tờ bản đồ số 20, diện tích 202m², đều thuộc xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp GCNQSD đất ngày 20/5/1997, đứng tên hộ cụ Đỗ Văn Quang. Ngoài ra, hai cụ còn được Nhà nước giao sử dụng đất nông nghiệp diện tích 558m² đất hai lúa tại thửa 33/4 tờ số 25 và 59m² đất chuyên mạ tại thửa 280/2 tờ số 20, xã Hải Anh. Đến năm 2011, thực hiện phương án dồn điền đổi thửa của UBND huyện Hải Hậu, đất nông nghiệp còn 591m² tại thửa 40/4, tờ số 25 xã Hải Anh. Trước khi chết, cụ Quang, cụ Chè không để lại di chúc. Thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, diện tích 558m² và đất ruộng nông nghiệp chủ yếu do ông ông Trần Văn Tr1 quản lý trông coi và đang sử dụng; thửa đất số 286, tờ bản đồ số 20, diện tích 202 m² do đang do ông Vinh tôn tạo trồng cây. Năm 2021, sau khi bố mẹ chết các anh em trong gia đình đã tổ chức họp thống nhất để phân chia di sản của bố mẹ để lại nhưng ông Trần Văn Tr (Chinh) không đồng ý nên không thống nhất được với nhau.

Về các công trình xây dựng trên đất có một số công trình xây cụ Quang cụ Chè xây dựng không còn giá trị khấu hao nên ông Vinh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông Vinh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu chia thừa kế tài sản của cụ Quang, cụ Chè là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 279, tờ bản đồ số 20 có diện tích 558 m² và thửa số 286, tờ bản đồ số 20 có diện tích 202m², đều thuộc xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định và Quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 591m² đất lúa tại thửa 40/4, tờ số 25 xã Hải Anh theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn V xin nhận kỷ phần mình được hưởng theo quy định pháp luật bằng hiện vật là đất và tặng cho lại vợ chồng ông Trần Văn Tr1, bà Đỗ Thị H.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn là ông Trần Văn Tr (Chinh) trình bày:

Ông Trinh công nhận lời khai của ông Vinh trình bày về mối quan hệ huyết thống gia đình và di sản thừa kế tài sản mà bố mẹ để lại ông Vinh trình bày là đúng, quan điểm của ông Trinh đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vinh như sau:

Vào năm 2010, khi cụ Quang đã chết, cụ Chè có gọi 04 con là ông Vinh, ông Trinh, bà Mậu, ông Trinh đến và nói miệng để toàn bộ tài sản chung của bố mẹ nêu trên cho ông Trinh nhưng không lập biên bản gì. Đồng thời cũng do anh em tin tưởng nhau nên từ đó đến nay, ông Trinh không làm thủ tục sang tên cho mình. Nhà cửa hai cụ để lại thì do ông Vinh và vợ chồng ông Trinh hương khói, trông coi, còn đất nông nghiệp thì do vợ chồng ông Trinh quản lý sử dụng.

Nay quan điểm của ông Trinh là không chia phần đất này mà để làm tài sản chung cho anh em gia đình làm nơi thờ cúng, hương hỏa bố mẹ vì hai cụ không để lại di chúc chia đều cho 07 người con. Nếu đề nghị của ông không được chấp nhận thì ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị M tại bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án trình bày:

Bà Mậu đồng ý với phần trình bày của ông Vinh về quan hệ huyết thống gia đình và di sản thừa kế cụ Quang, cụ Chè để lại. Bà Mậu đề nghị Tòa án phân chia di sản của bố mẹ để lại theo quy định pháp luật. Về kỹ phần được hưởng thừa kế bà Mậu đề nghị Tòa án xem xét cho bà được hưởng phần đất tại vị trí phía Nam của thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20 có chiều rộng Bắc Nam 1,5m, chiều dài Đông Tây từ đường bê tông xóm vào sát phần đất nhà bà đang sử dụng để bà làm ngõ đi vào phần đất bố mẹ cho bà. Nếu phần được chia cho bà còn thừa thì bà cho vợ chồng ông Trinh Hồng phần còn lại, nếu thiếu thì bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Ng tại bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng trình bày:

Bà Ngát đồng ý với phần trình bày trên của ông Trần Văn V về quan hệ huyết thống gia đình và di sản thừa kế cụ Quang, cụ Chè để lại; bà Ngát trình bày bố mẹ bà khi chết không để lại di chúc. Nay quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết đối với phần đất nông nghiệp của bố mẹ để lại bà đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật và phần mình được hưởng bà để lại cho vợ chồng ông Trinh, bà Hồng. Còn về phần đất trong thổ tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, diện tích 558 m² và thửa số 286, tờ bản đồ số 20, diện tích 202 m², đều thuộc xóm 14, xã Hải Anh, đứng tên hộ ông Đỗ Văn Quang đề nghị không chia mà để làm tài sản chung cho anh em gia đình làm nơi thờ cúng, hương hỏa bố mẹ. Nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Nh, bà Đỗ Thị T cùng quan điểm: Bà đồng ý với phần trình bày trên của ông Vinh về quan hệ huyết thống gia đình và di sản thừa kế của cụ Quang, cụ Chè để lại. Bà Nhuận,

bà Tâm đề nghị Tòa án phân chia di sản của hai cụ để lại theo quy định pháp luật, tặng cho phần mình được hưởng cho vợ chồng ông Trình, bà Hồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Tr1 tại bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng trình bày:

Cùng đồng ý với phần trình bày trên của nguyên đơn là ông Vinh. Nay quan điểm của ông Trình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, kỷ phần thừa kế ông được hưởng và kỷ phần thừa kế tài sản các đồng thừa kế khác có ý kiến tặng cho vợ chồng ông, ông Trình xin nhận và ông đề nghị Tòa án chia cho vợ chồng ông bằng hiện vật là thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, vì vị trí đất này hiện nay cạnh phần đất bố mẹ cho vợ chồng ông và quá trình trông coi sử dụng thì ông và ông Vinh đã xây dựng một ngôi nhà hai gian hiện nay đang làm nơi thờ cúng bố mẹ để ông quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị H có bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng trình bày: có quan điểm như ông Trần Văn Tr1 và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà và những người có liên quan khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng đủ nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V, xác nhận 760m² đất (tại thửa số 279, tờ bản đồ số 20 có diện tích 558 m² và thửa số 286, tờ bản đồ số 20 có diện tích 202 m²) đều thuộc xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định và Quyền sử dụng diện tích 591m² đất nông nghiệp tại thửa 40/4, tờ số 25 xã Hải Anh; có tổng giá trị là 1.929.550.000 đồng đứng tên hộ cụ Đỗ Văn Quang là di sản thừa kế cụ Đỗ Văn Quang và cụ Trần Thị Chè . Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Quang và cụ Chè là: Bà Trần Thị M, bà Nguyễn Thị Nh, bà Đỗ Thị Ng, bà Đỗ Thị T, ông Trần Văn V, ông Trần Văn Chinh và ông Trần Văn Tr1. Đề nghị HĐXX giao quyền sử dụng diện tích 521m² cho vợ chồng ông Trình, bà Hồng và 37m² đất cho bà Mậu được quyền sử dụng cùng ở thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, xã Hải Anh, theo nguyện vọng và kỷ phần được hưởng, được tặng cho của các đương sự là phù hợp, giao cho ông Trình, bà Ngát được quyền sử dụng thửa đất 286, tờ bản đồ số 20 có

diện tích 202 m² và thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi chung cho đương sự cho phù hợp. Về đất hai lúa đề nghị Tòa án giao cho vợ chồng ông Trinh, bà Hồng tiếp tục sử dụng và thanh toán giá trị chênh lệch cho các đương sự khác.

Các vấn đề khác, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ông Trần Văn V khởi kiện ông Trần Văn Tr yêu cầu xác định quyền sử dụng đất và chia thừa kế tài sản của cụ Đỗ Văn Quang và cụ Trần Thị Chè; Bị đơn và di sản thừa kế là đất đang tranh chấp đều có địa chỉ tại xóm 14, xã Hải Anh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu theo định tại Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn Tr và bà Đỗ Thị Ng được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, khoản 3 Điều 228, Điều 241 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp.

[3] Về diện và hàng thừa kế:

Năm 2007, cụ Đỗ Văn Quang chết, trước khi chết không để lại di chúc. Năm 2017, cụ Trần Thị Chè chết, trước khi chết không để lại di chúc. Do cụ Quang chết trước cụ Chè do đó hàng thừa kế thứ nhất của cụ Quang là: cụ Chè, ông Vinh, ông Trinh, ông Trinh, bà Nhuận, bà Ngát, bà Tâm, bà Mậu. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chè là Ông Vinh, ông Trinh, ông Trinh, bà Nhuận, bà Ngát, bà Tâm, bà Mậu.

[4] *Xác định di sản thừa kế của cụ Quang và cụ Chè và chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất:*

Căn cứ vào lời khai thống nhất của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thì thấy:

Di sản thừa kế của cụ Quang, cụ Chè là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, diện tích 558 m² và thửa số 286, tờ bản đồ số 20 có diện tích 202 m², đều thuộc xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định và Quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 591m² đất lúa tại thửa 40/4, tờ số 25 xã Hải Anh. Theo giá Hội đồng định giá đưa ra, được các đương

sự nhất trí thì di sản của cụ Quang, cụ Chè tổng giá trị là: $(558 \text{ m}^2 + 202 \text{ m}^2 = 760 \text{ m}^2) \times 2.500.000 \text{ đ/m}^2 + 591 \text{ m}^2 \times 50.000 \text{ đ/m}^2 = 1.929.550.000$ đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Chia tài sản chung di sản thừa kế bằng hiện vật của cụ Quang, cụ Chè cho cụ Chè được hưởng là: $760 : 2 = 380 \text{ m}^2$

Chia tài sản chung di sản thừa kế bằng giá trị tài sản, của cụ Quang, cụ Chè cho cụ Chè được hưởng là $1.929.550.000 \text{ đ} : 2 = 964.775.000 \text{ đ}$.

[5.] *Chia thừa kế tài sản của cụ Đỗ Văn Quang:*

Năm 2007 cụ Quang chết, do đó, thời điểm mở thừa kế của cụ Quang là năm 2007. Trước khi chết cụ không để lại di chúc nên chia tài sản của Quang theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Quang gồm cụ Chè và 7 người con là cụ Chè, ông Vinh, ông Trinh, ông Trình, bà Nhuận, bà Ngát, bà Tâm, bà Mậu. Do đó, chia tài sản của cụ Quang 380 m^2 cho 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần $47,5 \text{ m}^2$.

[6] *Chia thừa kế tài sản của cụ Trần Thị Chè:*

Năm 2017 cụ Chè chết, do đó, thời điểm mở thừa kế của cụ Chè là năm 2017. Trước khi chết cụ không để lại di chúc nên chia tài sản của Chè theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chè gồm 7 người con là ông Vinh, ông Trinh, ông Trình, bà Nhuận, bà Ngát, bà Tâm, bà Mậu. Do đó, chia tài sản của cụ Chè cho 7 kỷ phần như sau:

Tài sản thừa kế của cụ Chè = 380 m^2 (tài sản chung) + $47,5 \text{ m}^2$ (thừa kế của cụ Quang) = $427,5 \text{ m}^2 : 7 = 61,07 \text{ m}^2$ / suất.

Về đất ruộng nông nghiệp(hai lúa) đề nghị Tòa án giao cho vợ chồng ông Trinh, bà Hồng tiếp tục sử dụng và thanh toán giá trị chênh lệch cho các đương sự khác.

[7] *Chia thừa kế tài sản của cụ Trần Thị Chè và cụ Đỗ Văn Quang* thì thấy: hiện nay cụ Quang và cụ Chè đều đã chết nên thừa kế chung của hai cụ là 7 suất thừa kế là các con chung chia đều bằng nhau là phù hợp.

[8] *Chia thừa kế tài sản của cụ Quang và cụ Chè bằng hiện vật:*

Các đương sự trong vụ án gồm: ông Vinh, ông Trinh, bà Nhuận, bà Tâm, bà Mậu đề nghị nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật và chia phần đất ở vị trí thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, diện tích 558 m^2 mà ông Vinh và ông Trinh đã xây dựng ngôi nhà đang thờ chung cụ Quang và cụ Chè. Ông Trinh và bà Ngát không nhất trí chia mà đề làm nơi thờ cúng chung. Căn cứ vào hiện trạng sử dụng sau khi xem xét đến nguyện vọng, hoàn cảnh thực tế của các đương sự, hiện trạng sử dụng thửa đất thì thấy:

Xét nguyện vọng của các đương sự là bà Nguyễn Thị Nh, bà Đỗ Thị T, ông Trần Văn V có ý kiến xin nhận phần mình được hưởng và cho lại vợ chồng ông Trinh, bà Hồng được quyền sử dụng cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Riêng bà Trần Thị M xin được hưởng một phần mình được chia tại vị trí phía Nam thổ đất, có chiều dài Bắc Nam 1,5m, chiều dài Đông Tây từ đường bê

tông xóm vào sát phần đất hộ gia đình bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang thực tế đang sử dụng. Ông Trần Văn Tr1 và bà Đỗ Thị Ng đề nghị giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Xem xét thực trạng sử dụng đất thì thấy: Phần đất của hộ bà Trần Thị M, hộ ông Trần Văn Tr1, hộ cụ Đỗ Văn Quang được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng chung thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20 tại xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. Hiện nay bà Mậu, hộ ông Trình đang sử dụng phần đất được bố mẹ cho khi còn sống và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã xây dựng các công trình nhà ở tuy nhiên ba hộ không xác định lối đi riêng mà còn đi chung ngõ qua sân nhà nhau. Hộ bà Mậu sử dụng phần đất phía Tây thổ, hộ cụ Quang có công trình ở giữa, hộ ông Trình xây dựng các công trình phía Đông.

Xét yêu cầu xin được hưởng phần đất tạo lối đi riêng vào nhà của bà Mậu tại vị trí phía Nam thổ đất, có chiều rộng 1,5m, chiều dài từ đường bê tông xóm phía đông thổ đất vào sát phần đất nhà bà Mậu ở hiện nay thì thấy phần đất này có diện tích là $37m^2$ nhỏ hơn với kỹ phần của bà Mậu được chia nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận, được giới hạn bởi các điểm (2', 3,4', 3', 2') ký hiệu S1 là phù hợp, phần còn lại trong kỹ phần bà Mậu được hưởng bà Mậu có ý kiến tặng cho vợ chồng ông Trình, bà Hồng được quyền sử dụng là $71,57m^2$ cần ghi nhận.

Đối với thửa đất thửa số 286, tờ bản đồ số 20 có diện tích $202m^2$ cần giao cho ông Trình, bà Ngát được quyền sử dụng là phù hợp và nhận thanh toán chênh lệch tài sản từ đồng thừa kế khác là phù hợp.

-Về phần di sản là đất nông nghiệp là quyền sử dụng đất lúa tại thửa 40/4, tờ số 25, xã Hải Anh diện tích $591m^2$, mỗi người được chia ($591m^2 : 7 = 84,4m^2$), hiện đang do vợ chồng ông Trình, bà Hồng quản lý sử dụng. Ông Vinh, bà Nhuận, bà Mậu, bà Ngát, bà Tâm xin nhận phần mình được hưởng và cho lại vợ chồng ông Trình, bà Hồng; ông Trình nhận phần mình được hưởng và để vợ là bà Hồng cùng được quyền sử dụng. Xét giao cả phần đất nông nghiệp này cho vợ chồng ông Trình, bà Hồng tiếp tục sử dụng và thanh toán giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp phần ông Trình được hưởng cho ông Trình là phù hợp.

Vợ chồng ông Trình, bà Hồng có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Trình số tiền là 23.150.000 đồng.

Thanh toán cho bà Ngát số tiền 18.928.000 đồng.

Như vậy, giá trị tài sản mà ông Trình, bà Hồng được chia trong khối di sản của cụ Quang, cụ Chè là: Đất thổ $505,856m^2$ trị giá 1.264.641.000đ đồng.

Đất ruộng $506,57m^2$ trị giá 25.328.571đ.

[9] Từ những chứng cứ lý lẽ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chia cho các đương sự được quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

- Chia bà Trần Thị M được quyền sử dụng phần đất S1' có diện tích 37m² (đất CLN), tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (2', 3, 4', 3', 2').

- Chia cho vợ chồng ông Trần Văn Tr1 và bà Đỗ Thị H được quyền sử dụng phần đất S2' có diện tích 521m² (110m² ONT; 336m² ao nuôi cá; 75m² CLN) tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (1', 2'', 3'', 3', 1'). Được sử dụng phần đất nông nghiệp diện tích 591m² đất lúa tại thửa 40/4, tờ số 25 xã Hải Anh và ông Trình, bà Hồng có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Văn Tr số tiền là 23.150.000đồng, thanh toán cho bà Đỗ Thị Ng số tiền là 18.928.000 đồng.

- Chia cho ông Trần Văn Tr (Chính) được hưởng phần đất có diện tích S3 = 101m² (CLN) tại thửa 286, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (7', 8', 9, 10, 7') và nhận tiền chênh lệch chia di sản từ vợ chồng ông Trình, bà Hồng số tiền là 23.150.000đồng.

- Chia cho bà Đỗ Thị Ng được hưởng phần đất có diện tích S4 = 101m² (CLN) tại thửa 286, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (7, 7', 8', 8, 7) và nhận tiền chênh lệch chia di sản từ vợ chồng ông Trình, bà Hồng số tiền là 18.928.000 đồng.

(Vị trí chiều cạnh có sơ đồ vẽ kèm theo).

[10] Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn V đã nộp đủ tiền chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các đương sự bà Trần Thị M, bà Đỗ Thị Ng, ông Trần Văn V, bà Đỗ Thị T, Nguyễn Thị Nh là người cao tuổi trong vụ án nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vợ chồng ông Trần Văn Tr1, bà Đỗ Thị H; ông Trần Văn Tr (Chính) phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 611, 612, 613, 650, 651, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 227, 228, 229, 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V về việc chia thừa kế tài sản của cụ Đỗ Văn Quang, cụ Trần Thị Chè.

2. Chia thừa kế tài sản:

- Chia bà Trần Thị M được quyền sử dụng phần đất (S1') có diện tích 37m² (đất CLN), tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (2', 3', 4', 3', 2').

- Chia cho vợ chồng ông Trần Văn Tr1 và bà Đỗ Thị H được quyền sử dụng phần đất (S2') có diện tích 521m² (110m² ONT; 336m² ao nuôi cá; 75m² CLN) tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 20 được giới hạn bởi các điểm (1', 2'', 3'', 3', 1') có trị giá 1.302.500.000đ và Được sử dụng phần đất nông nghiệp diện tích 591m² đất lúa tại thửa 40/4, tờ số 25 xã Hải Anh trị giá 29.550.000đ . Tổng giá trị tài sản ông Trình, bà Hùng được quyền sử dụng là 1.332.050.000đ. Nhưng ông Trình, bà Hồng phải có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch tài sản là 42.078.000đ (trong đó thanh toán cho ông Trần Văn Tr số tiền là 23.150.000đồng, thanh toán cho bà Đỗ Thị Ng số tiền là 18.928.000 đồng).

- Chia cho ông Trần Văn Tr (Chính) được hưởng phần đất có diện tích S3 = 101m² (CLN) tại thửa 286, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (7', 8', 9, 10, 7') trị giá 252.500.000đ và nhận tiền chênh lệch chia di sản từ vợ chồng ông Trình, bà Hồng số tiền là 23.150.000đồng. Tổng tài sản ông Trình được thừa kế là 275.650.000đ.

- Chia cho bà Đỗ Thị Ng được hưởng phần đất có diện tích S4 = 101m² (CLN) tại thửa 286, tờ bản đồ số 20, được giới hạn bởi các điểm (7, 7', 8', 8, 7) và nhận tiền chênh lệch chia di sản từ vợ chồng ông Trình, bà Hồng số tiền là 18.928.000 đồng.

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án của Tòa án.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật khi đương sự có yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị M, bà Đỗ Thị Ng, ông Trần Văn V, bà Đỗ Thị T, Nguyễn Thị Nh vì thuộc diện đối tượng người cao tuổi.

- Vợ chồng ông Trần Văn Tr1 và bà Đỗ Thị H phải nộp 50.669.160đ (năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn một trăm sáu mươi đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn Tr phải nộp 13.782.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Anh;
- Dương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng